

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GC
TỈNH TG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-11-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thưa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Đánh;

2. Bà Bùi Thu Hảo;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh TG.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC, tỉnh TG tham gia phiên tòa:* Ông Mai Hùng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh TG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 125/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Phạm Yến Nh, sinh năm: 1998; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp XR, xã KP, huyện GCD, tỉnh TG;

2. *Bị đơn:* Anh Trần Huỳnh L, sinh năm: 1997; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp GTr, xã L T, thị xã GC, tỉnh TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2021, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Huỳnh Phạm Yến Nh trình bày:

Chị và anh L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2017 và được Ủy ban nhân dân xã L Thuận, thị xã GC, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 12 tháng 9 năm 2017. Sau khi cưới, thời gian đầu sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L thường xuyên cờ bạc không lo cho gia đình, mặc dù đã cố gắng hàn

gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên hiện tại đã ly thân nhau. Do tình cảm không còn chị Nh yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Ngọc Ph, sinh ngày 09/01/2018 và Trần Huỳnh Ph Tr, sinh ngày 08/7/2020. Khi ly hôn chị Nh yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/cháu/ tháng đến khi hai con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Huỳnh L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng anh vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nh.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Trần Huỳnh L hiện đang cư trú tại xã L Thuận, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh TG.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nh có đơn xin vắng mặt; Bị đơn anh L vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4]. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nh chung sống với anh L từ năm 2017 trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã L Thuận, thị xã GC, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 12 tháng 9 năm 2017 nên quan hệ hôn nhân của anh và chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L thường xuyên cò bạc bên ngoài không lo cho gia đình, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ đó cho đến nay. Đối với bị đơn anh L từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay vắng mặt không lý do, cho thấy anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử

nhận thấy mâu thuẫn giữa anh L và chị Nh đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu mà chị Nh và anh L cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Nh là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh đối với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Ngọc Ph, sinh ngày 09/01/2018 và Trần Huỳnh Ph Tr, sinh ngày 08/7/2020, hiện đang sống chung với chị Nh. Khi ly hôn chị Nh yêu cầu nuôi hai con chung, anh L không có ý kiến gì về con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại chị Nh có nghề nghiệp và thu nhập ổn định (Có xác nhận của chính quyền địa Ph). Do đó giao cháu Ph và cháu Tr cho chị Nh được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh yêu cầu anh L cấp dưỡng 1.000.000 đồng/cháu/ tháng để nuôi con chung, thời gian cấp dưỡng lần đầu sau khi án có hiệu lực cho đến khi cháu Tr và cháu Ph đủ 18 tuổi. Anh L không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị Nh. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, việc yêu cầu cấp dưỡng của chị Nh là có cơ sở được chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC, tỉnh TG phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Phạm Yến Nh. Chị Huỳnh Phạm Yến Nh được ly hôn với anh Trần Huỳnh L.

2. Về con chung: Chị Huỳnh Phạm Yến Nh được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Thị Ngọc Ph, sinh ngày 09/01/2018 và Trần Huỳnh Ph Tr, sinh ngày 08/7/2020.

Buộc anh Trần Huỳnh L cấp dưỡng 2.000.000 đồng/02 cháu/ tháng để nuôi con chung (1.000.000 đồng/tháng/01cháu) , thời gian cấp dưỡng lần đầu sau khi án có hiệu lực cho đến khi cháu Ph và cháu Tr đủ 18 tuổi.

Anh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Phạm Yến Nh phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019460 ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC, tỉnh TG. Như vậy, chị Nh đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Trần Huỳnh L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh TG xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- UBND xã L Thuận, TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Văn Thừa